

Số: 35/QĐ-HĐTV

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại
Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam**

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 83/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 26/2022/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1275/QĐ-BTC ngày 14 tháng 06 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-



BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024;

Căn cứ Công văn số 1388/UBCK-PTTT ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận ban hành Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 103/2025/NQ-HĐTV ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng thành viên thông qua việc ban hành các Quy chế hoạt động nghiệp vụ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày Hệ thống công nghệ thông tin của gói thầu “Thiết kế, giải pháp, cung cấp lắp đặt và chuyển giao hệ thống công nghệ thông tin - Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh” chính thức vận hành và thay thế Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 10 tháng 08 năm 2023 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 3. Tổng giám đốc, Giám đốc Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh, Trưởng ban Hành chính quản trị, Trưởng Ban Quản lý thành viên lưu ký và lưu ký chứng khoán, Chánh văn phòng Hội đồng thành viên, Trưởng các phòng/ban thuộc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN (để b/c);
- HĐTV, BKS;
- Các SGDCK;
- Ban TGD;
- CN VSDC;
- Lưu: VP HĐTV, LKCK(24b)

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn



QUY CHẾ
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VAY VÀ CHO VAY CHỨNG KHOÁN
TẠI TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-HĐTV ngày 29 tháng 04 năm 2025 của
Hội đồng thành viên Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định việc tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là VSDC); quyền hạn, trách nhiệm của VSDC, thành viên lưu ký (sau đây viết tắt là TVLK), tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại VSDC (sau đây viết tắt là TCMTKTT) và tổ chức, cá nhân liên quan khi tham gia hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại VSDC.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Hệ thống đăng ký, lưu ký chứng khoán** (sau đây gọi tắt là hệ thống lưu ký) là hệ thống phần mềm ứng dụng được phân quyền sử dụng để thực hiện hoạt động đăng ký, lưu ký chứng khoán; hoạt động đăng ký mã số giao dịch chứng khoán; hoạt động vay và cho vay chứng khoán; hoạt động dịch vụ quỹ hoán đổi danh mục.
- Cổng giao tiếp điện tử** là môi trường phần mềm ứng dụng WebUI cho hệ thống lưu ký để thực hiện các nghiệp vụ giữa TVLK, TCMTKTT và VSDC, được thực hiện thông qua các máy trạm đặt tại trụ sở chính và Chi nhánh của TVLK, TCMTKTT. Tài liệu hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng này được VSDC đăng tải trên trang thông tin điện tử của VSDC.
- Cổng giao tiếp trực tuyến** là môi trường phần mềm ứng dụng trong đó cho phép các TVLK, TCMTKTT và VSDC trao đổi các thông tin hoạt động nghiệp vụ dưới dạng điện nghiệp vụ, điện xác nhận trực tiếp giữa hệ thống nghiệp vụ của TVLK, TCMTKTT và hệ thống lưu ký.
- Điện nghiệp vụ (điện MT, FileAct)**: Là file dữ liệu chứa các thông tin về giao dịch nghiệp vụ có cấu trúc theo chuẩn ISO 15022 để trao đổi trực tiếp giữa hệ thống nghiệp vụ của TVLK, TCMTKTT với hệ thống lưu ký, được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền của VSDC hoặc TVLK, TCMTKTT và được coi là chứng từ điện tử. Chuẩn điện nghiệp vụ được quy định chi tiết tại quy định hướng dẫn kết nối cổng giao tiếp trực tuyến.

5. *Chứng từ điện tử* là thông tin về hoạt động nghiệp vụ tại VSDC được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính thông qua cổng giao tiếp điện tử hoặc cổng giao tiếp trực tuyến hoặc thông qua mạng toàn cầu bằng giao diện trên trang thông tin điện tử của VSDC và đã được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền của VSDC hoặc TVLK, TCMTKTT. Chứng từ điện tử trong văn bản bao gồm các loại sau:

a) Báo cáo điện tử và giao dịch điện tử là các báo cáo, giao dịch được tạo ra và thực hiện trên hệ thống lưu ký thông qua cổng giao tiếp điện tử;

b) Điện nghiệp vụ.

6. *Chữ ký số* là một dạng chữ ký điện tử theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử mà người có thẩm quyền của VSDC hoặc TVLK, TCMTKTT sử dụng để xác thực thông tin dữ liệu mà mình gửi đi.

7. *Bên cho vay* là tổ chức, cá nhân sở hữu chứng khoán đã lưu ký tại VSDC thực hiện giao dịch cho vay chứng khoán thông qua TVLK nơi tổ chức, cá nhân đó mở tài khoản.

8. *TVLK đại diện bên cho vay* là TVLK nơi bên cho vay mở tài khoản lưu ký chứng khoán và được bên cho vay ủy quyền thực hiện giao dịch cho vay trên hệ thống lưu ký.

9. *Bên vay* là TVLK, thành viên lập quỹ ETF, nhà tạo lập thị trường được vay chứng khoán để thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

10. *Tỷ lệ chiết khấu tài sản* là tỷ lệ phần trăm được khấu trừ từ mức giá dùng để định giá tài sản là chứng khoán thế chấp.

11. *Thỏa thuận trực tiếp* là phương thức thực hiện giao dịch vay và cho vay trên hệ thống lưu ký, trong đó bên vay và bên cho vay chuyển thông tin vào hệ thống để xác lập khoản vay dựa trên thỏa thuận trực tiếp về các điều kiện vay và cho vay chứng khoán.

12. *Khớp lệnh liên tục* là phương thức thực hiện giao dịch vay và cho vay trên hệ thống lưu ký, trong đó bên vay và bên cho vay chuyển thông tin vào hệ thống để xác lập khoản vay dựa trên nguyên tắc ưu tiên về lãi suất, số lượng chứng khoán và thời gian.

13. *Công cụ nợ* bao gồm trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, công trái xây dựng Tổ quốc, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định pháp luật về quản lý nợ công.

14. *Nhà tạo lập thị trường* là tổ chức có tên trong danh sách nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của Chính phủ được Bộ Tài chính công bố hàng năm để thực

hiện quyền, nghĩa vụ trong việc phát hành, giao dịch công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước theo quy định pháp luật về quản lý nợ công.

Điều 3. Quy định chung

1. Hoạt động vay và cho vay chứng khoán quy định tại Quy chế này nhằm thực hiện:

a) Hỗ trợ TVLK thiếu chứng khoán để thanh toán do sửa lỗi sau giao dịch hoặc xử lý lỗi tự doanh;

b) Hỗ trợ thành viên lập quỹ ETF có đủ chứng khoán để góp vốn và thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục với quỹ ETF;

c) Hỗ trợ TVLK đồng thời là TVBT vay trái phiếu Chính phủ (sau đây viết tắt là TPCP) để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở khi thực hiện hợp đồng tương lai TPCP trong trường hợp TVBT không có đủ số lượng và đúng loại tài sản cơ sở để chuyển giao;

d) Hỗ trợ nhà tạo lập thị trường thực hiện giao dịch vay và cho vay công cụ nợ.

2. TVLK, TCMTKTT và tổ chức, cá nhân khác tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu gửi đến VSDC. Tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận hồ sơ, tài liệu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ, tài liệu đó.

3. Khi nhận hồ sơ yêu cầu cho vay chứng khoán của nhà đầu tư, TVLK có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin về người sở hữu chứng khoán, phù hợp của yêu cầu cho vay chứng khoán trước khi gửi hồ sơ lên VSDC.

4. Hồ sơ, tài liệu gửi đến VSDC bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua cổng giao tiếp điện tử/cổng giao tiếp trực tuyến của VSDC. Trường hợp gửi và nhận hồ sơ, tài liệu qua cổng giao tiếp điện tử/cổng giao tiếp trực tuyến của VSDC, các bên có thể chuyển đổi các hồ sơ, tài liệu dưới dạng chứng từ điện tử sang chứng từ giấy trong trường hợp cần thiết. Các chứng từ điện tử của VSDC khi chuyển đổi sang chứng từ giấy được đóng dấu có ký hiệu như sau:

TỔNG CÔNG TY
LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

**CHỨNG TỪ CHUYỂN ĐỔI TỪ
CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ**

Họ và tên:

Chữ ký:

Thời gian thực hiện chuyển đổi:

5. Ngày VSDC nhận được hồ sơ của các bên được xác định như sau:

a) Là ngày ký nhận tại sổ giao nhận công văn của VSDC trong trường hợp nộp trực tiếp;

b) Là ngày nhận theo dấu công văn đến của VSDC trong trường hợp gửi hồ sơ qua đường bưu điện;

c) Là ngày hệ thống lưu ký nhận được chứng từ điện tử các hồ sơ từ TVLK.

6. Việc gửi chứng từ điện tử các hồ sơ vay và cho vay chứng khoán của TVLK cho VSDC thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) TVLK gửi điện nghiệp vụ vay và cho vay chứng khoán tới hệ thống lưu ký;

b) VSDC trả kết quả xử lý hồ sơ vay và cho vay chứng khoán bằng điện nghiệp vụ cho TVLK qua cổng giao tiếp trực tuyến sau khi hoàn tất xử lý hồ sơ nhận từ TVLK;

c) Mẫu các điện nghiệp vụ được quy định cụ thể tại quy định hướng dẫn kết nối cổng giao tiếp trực tuyến của VSDC.

7. Đối với TCMTKTT, VSDC xử lý hồ sơ vay chứng khoán sau khi đã nhận hồ sơ hợp lệ của tổ chức theo quy định đối với từng nghiệp vụ tại Quy chế này.

8. Điện nghiệp vụ do TVLK gửi tới hệ thống lưu ký không đúng quy định về thời gian hoặc hồ sơ không hợp lệ, khi kết thúc ngày, hệ thống tự động loại bỏ các điện nghiệp vụ này và gửi điện MT596 thông báo cho TVLK biết.

Điều 4. Phạm vi hoạt động của VSDC

VSDC giữ vai trò trung gian, tổ chức quản lý và vận hành hoạt động vay và cho vay chứng khoán trên hệ thống lưu ký với các chức năng chính:

1. Là trung gian kết nối giữa bên cho vay và bên vay chứng khoán để thực hiện các giao dịch vay và cho vay quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

2. Các dịch vụ VSDC hỗ trợ cho việc thực hiện vay và cho vay chứng khoán bao gồm:

a) Chuyển giao và hoàn trả chứng khoán vay giữa bên vay và bên cho vay;

b) Định giá và quản lý tài sản thế chấp cho khoản vay.

3. Xử lý vi phạm đối với TVLK theo quy định tại Quy chế thành viên lưu ký của VSDC và xử lý vi phạm đối với TCMTKTT theo hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa VSDC và TCMTKTT trong trường hợp VSDC phát hiện TVLK, TCMTKTT vi phạm quy định về hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Quy chế này.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của TVLK, TCMTKTT tham gia hoạt động vay, cho vay chứng khoán

1. Thực hiện hoạt động cho vay cho chính mình hoặc làm trung gian giao dịch cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu cho vay chứng khoán.

2. Được vay cho chính mình để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo đúng quy định pháp luật.

3. Trước khi tham gia hoạt động vay và cho vay chứng khoán, TVLK là bên vay, TVLK là bên cho vay hoặc đại diện bên cho vay phải thông báo thông tin tài khoản tiền gửi mở tại ngân hàng thanh toán dùng để phục vụ cho hoạt động vay và cho vay chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy chế này.

4. TVLK đại diện bên cho vay có trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo khách hàng có đủ chứng khoán cho vay hợp lệ theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

5. TVLK, TCMTKTT là bên vay phải mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thanh toán để quản lý tài sản thế chấp bằng tiền cho khoản vay chứng khoán và phải có đầy đủ tài sản thế chấp đủ điều kiện để đảm bảo khoản vay theo quy định tại các Điều 12, 13 của Quy chế này.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế, quy định của VSDC liên quan đến hoạt động vay và cho vay chứng khoán.

CHƯƠNG II

HỆ THỐNG VAY VÀ CHO VAY CHỨNG KHOÁN

Điều 6. Nguyên tắc tham gia hoạt động vay, cho vay chứng khoán

1. Bên vay và bên cho vay phải ký hợp đồng vay và cho vay chứng khoán trước khi chuyển thông tin vào hệ thống lưu ký (đối với giao dịch vay và cho vay theo phương thức thoả thuận trực tiếp) hoặc ngay sau khi khoản vay được xác lập trên hệ thống lưu ký (đối với giao dịch vay và cho vay theo phương thức khớp lệnh liên tục). Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Các bên tham gia hệ thống lưu ký để thực hiện hoạt động vay, cho vay chứng khoán cần đáp ứng các điều kiện sau:

a) Các bên tham gia hoạt động vay, cho vay chứng khoán phải đăng ký tham gia hoạt động vay và cho vay thông qua TVLK nơi mở tài khoản lưu ký;

b) Bên vay phải nộp đủ tài sản thế chấp đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy chế này và có yêu cầu vay hợp lệ đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy chế này được nhập vào hệ thống lưu ký;

c) Bên cho vay có đủ chứng khoán đủ điều kiện cho vay tại tài khoản chứng khoán giao dịch và TVLK nơi bên cho vay mở tài khoản lưu ký chứng khoán đã gửi yêu cầu cho vay tới hệ thống lưu ký.

3. Hệ thống lưu ký chỉ nhận yêu cầu đăng nhập từ TVLK, TCMTKTT tại VSDC.

Điều 7. Thời hạn của khoản vay

1. Thời hạn của khoản vay được quy định tối đa như sau:

a) 05 ngày làm việc đối với khoản vay để hỗ trợ thanh toán;
b) 30 ngày đối với khoản vay để góp vốn hoặc hoán đổi danh mục quỹ ETF;
c) 30 ngày nhưng không vượt quá thời hạn còn lại đến khi TPCP đáo hạn đối với khoản vay TPCP để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở khi thực hiện hợp đồng tương lai TPCP;

d) 30 ngày nhưng không vượt quá thời hạn còn lại đến khi công cụ nợ đáo hạn đối với trường hợp nhà tạo lập thị trường vay công cụ nợ.

2. Trường hợp ngày đến hạn khoản vay trùng với ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật thì ngày đến hạn khoản vay là ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ, tết đó.

Điều 8. Lãi suất vay, cho vay và lãi khoản vay

1. Lãi suất cho vay, lãi suất gia hạn khoản vay được xác định theo thỏa thuận giữa bên vay và bên cho vay nhưng không được vượt quá 20%/năm.

2. Lãi khoản vay được xác định như sau:

$$L = \sum_{d=1}^n V_d * \frac{I}{360}$$

Trong đó:

L: là lãi khoản vay

(1, n): là khoảng ngày tính từ ngày xác lập khoản vay đến ngày kết thúc /đến hạn khoản vay

V_d : là giá trị chứng khoán cho vay tại ngày $d \in (1, n)$,

I: là lãi suất cho vay năm.

3. Lãi khoản vay được thanh toán cùng ngày với việc hoàn trả toàn bộ khoản vay của bên vay. Trường hợp bên vay chưa thực hiện trả tiền lãi khoản vay cho bên cho vay, VSDC khấu trừ giá trị tương ứng khoản lãi vay từ giá trị tài sản thế chấp bằng tiền (nếu có) của bên vay để trả cho bên cho vay.

Điều 9. Phương thức xác lập khoản vay trên hệ thống lưu ký

1. Hoạt động vay và cho vay chứng khoán được thực hiện theo cơ chế thỏa thuận trực tiếp hoặc khớp lệnh liên tục giữa bên vay và bên cho vay trên nguyên tắc bên vay phải có tài sản đảm bảo. Khoản vay chỉ có hiệu lực khi được xác lập trên hệ thống lưu ký.

2. Yêu cầu vay khi đăng nhập vào hệ thống phải có đầy đủ các thông tin sau:

- a) Loại yêu cầu: vay/cho vay;
- b) Tên bên vay, bên cho vay và TVLK đại diện cho bên cho vay;
- c) Số hiệu tài khoản lưu ký chứng khoán của bên vay và bên cho vay;
- d) Loại hợp đồng vay và cho vay (vay hỗ trợ thanh toán cho TVLK/vay lập quỹ hoặc hoán đổi quỹ ETF/vay TPCP để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở/vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường);

đ) Thời gian của hợp đồng vay/cho vay;

e) Mã chứng khoán và số lượng chứng khoán vay/cho vay;

g) Mức lãi suất vay/cho vay;

h) Loại và số lượng tài sản thế chấp.

3. Đơn vị yết lãi suất là 0,01%/năm đối với khoản vay trái phiếu và 0,1%/năm với khoản vay cổ phiếu và chứng chỉ quỹ.

4. Hệ thống lưu ký không giới hạn số lượng chứng khoán vay, cho vay. Số lượng chứng khoán vay của bên vay phải thuộc phạm vi số lượng chứng khoán được phép vay theo quy định.

5. Thời gian hệ thống lưu ký mở để tiếp nhận yêu cầu vay, yêu cầu cho vay và xác lập khoản vay từ 08h00 - 15h00 ngày làm việc trừ các ngày nghỉ giao dịch theo quy định của pháp luật.

6. Hình thức xác lập khoản vay:

a) Đối với trường hợp thỏa thuận trực tiếp: khoản vay được xác lập ngay sau khi bên cho vay hoặc TVLK đại diện bên cho vay xác nhận chấp thuận cho vay trên hệ thống;

b) Đối với trường hợp khớp lệnh liên tục: khoản vay được xác lập liên tục trong thời gian mở hệ thống dựa trên việc khớp các yêu cầu vay và yêu cầu cho vay.

7. Yêu cầu vay, yêu cầu cho vay được hủy bỏ vào cuối ngày trong các trường hợp:

a) Đối với trường hợp thỏa thuận trực tiếp: Yêu cầu vay bị hủy bỏ khi bên cho vay hoặc TVLK đại diện cho bên cho vay không xác nhận Yêu cầu vay đã nhập vào hệ thống lưu ký;

b) Đối với trường hợp khớp lệnh liên tục: Yêu cầu vay, yêu cầu cho vay bị hủy bỏ khi lệnh chưa được khớp trên hệ thống lưu ký;

c) Tiền dùng làm tài sản thế chấp chưa có trên tài khoản của bên vay mở tại ngân hàng thanh toán theo xác nhận của ngân hàng thanh toán;

d) Chứng khoán dùng làm tài sản thế chấp chưa có trên tài khoản của bên vay trên hệ thống lưu ký.

CHƯƠNG III **CHỨNG KHOÁN CHO VAY**

Điều 10. Chứng khoán cho vay

1. Chứng khoán cho vay hợp lệ là chứng khoán được niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán thuộc sở hữu của bên cho vay và đã được đăng ký, lưu ký tại VSDC, trừ các chứng khoán quy định tại khoản 2 Điều này. Bên cho vay phải đáp ứng đúng quy định của pháp luật khi thực hiện cho vay chứng khoán.

2. Chứng khoán không được cho vay bao gồm:

a) Chứng khoán bị đưa vào diện bị cảnh báo, bị kiểm soát, hạn chế giao dịch theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán (ngoại trừ trường hợp vay hỗ trợ thanh toán giao dịch chứng khoán);

b) Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ, ngừng giao dịch theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán;

c) Chứng khoán đã bán và đang chờ thanh toán; chứng khoán đang ký quỹ, phong toả, tạm giữ tại VSDC;

d) Chứng khoán thuộc loại hạn chế chuyển nhượng theo đăng ký của TCĐKCK với VSDC;

đ) Chứng khoán đang thực hiện thủ tục thực hiện quyền dẫn đến điều chỉnh giảm số lượng chứng khoán đăng ký hoặc hủy chứng khoán đăng ký kể từ thời điểm 01 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng;

e) Chứng khoán thay đổi sàn giao dịch kể từ 01 ngày giao dịch trước ngày giao dịch cuối cùng.

Điều 11. Giá trị chứng khoán cho vay

1. Giá trị chứng khoán cho vay được xác định theo công thức sau:

$$V_L = Q_L \times P$$

Trong đó:

V_L là giá trị chứng khoán cho vay

Q_L là số lượng chứng khoán cho vay

P là giá chứng khoán cho vay

2. Giá chứng khoán cho vay quy định tại khoản 1 Điều này được xác định như sau:

a) Đối với công cụ nợ: giá tính toán theo mô hình Đường cong Lợi suất chuẩn của Sở Giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch liền kề trước ngày tính toán giá trị khoản vay;

b) Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư: giá đóng cửa tại ngày giao dịch liền kề trước ngày tính toán giá trị khoản vay;

c) Đối với trái phiếu doanh nghiệp: giá thực hiện/giá thực hiện bình quân tại ngày giao dịch liền kề trước ngày tính toán giá trị khoản vay.

3. Giá trị chứng khoán cho vay được định giá lại vào 16h00 hàng ngày theo công thức trên để làm cơ sở xác định mức tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Quy chế này.

CHƯƠNG IV TÀI SẢN THẾ CHẤP

Điều 12. Tài sản thế chấp

1. Tài sản được chấp nhận là tài sản thế chấp cho khoản vay chứng khoán bao gồm:

a) Là tiền đối với khoản vay chứng khoán cho mục đích quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy chế này;

b) Là tiền, chứng khoán đủ điều kiện là tài sản thế chấp đối với khoản vay chứng khoán cho mục đích quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

2. Chứng khoán đủ điều kiện là tài sản thế chấp bao gồm trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh niêm yết chưa đến thời hạn đáo hạn (ngoại trừ trái phiếu chuyển đổi, hoán đổi); cổ phiếu nằm trong danh mục cấu thành chỉ số VN30, HNX30 và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không thuộc các trạng thái đã bán và đang chờ thanh toán, đang ký quỹ, phong tỏa, tạm giữ tại VSDC;

b) Thuộc loại tự do chuyển nhượng và đã được lưu ký trên tài khoản chứng khoán giao dịch tại VSDC;

c) Thuộc sở hữu của bên vay và được bên cho vay chấp nhận theo Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán giữa hai bên.

d) Không phải là chứng khoán đang thực hiện thủ tục thực hiện quyền dẫn đến điều chỉnh giảm số lượng chứng khoán đăng ký hoặc hủy chứng khoán đăng ký kể từ thời điểm 01 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng;

đ) Không phải là chứng khoán thay đổi sản giao dịch kể từ 01 ngày giao dịch trước ngày giao dịch cuối cùng.

Điều 13. Định giá giá trị tài sản thế chấp

1. Giá trị tài sản thế chấp được xác định theo công thức sau đây:

$$V_{TC} = C + Q_{TC} \times P \times (100\% - H)$$

Trong đó

V_{TC} là giá trị tài sản thế chấp

C là tiền thế chấp (nếu có)

Q_{TC} là số lượng chứng khoán thế chấp

P là giá chứng khoán

H là tỷ lệ chiết khấu tài sản

2. Giá chứng khoán được định giá quy định tại khoản 1 Điều này được xác định như sau:

a) Đối với trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh niêm yết: giá tính toán theo mô hình Đường cong Lợi suất chuẩn của Sở Giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá tài sản thế chấp.

b) Đối với cổ phiếu: giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá tài sản thế chấp.

3. Giá trị tài sản thế chấp được định giá lại vào 16h00 hàng ngày theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này làm căn cứ xác định việc duy trì giá trị tài sản thế chấp của bên vay theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Bên vay phải đảm bảo giá trị tài sản thế chấp ban đầu không thấp hơn 115% giá trị chứng khoán vay. Bên vay phải nộp bổ sung tài sản thế chấp hoặc được quyền rút tài sản thế chấp theo quy định tại các Điều 19, 20 Quy chế này.

Điều 14. Tỷ lệ chiết khấu tài sản

Tỷ lệ chiết khấu tài sản là 0% đối với tài sản thế chấp là tiền, 30% đối với tài sản thế chấp là cổ phiếu và 5% đối với tài sản thế chấp là trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh niêm yết.

Điều 15. Nộp tài sản thế chấp ban đầu

1. Bên vay có trách nhiệm liệt kê đầy đủ tài sản thế chấp trong Yêu cầu vay khi nhập vào hệ thống lưu ký.

2. Chứng khoán thế chấp được phong tỏa trên tài khoản lưu ký chứng khoán của bên vay tại VSDC và tiền thế chấp được phong tỏa trên tài khoản tiền gửi của bên vay tại ngân hàng thanh toán trước khi VSDC xác lập khoản vay trên hệ thống theo quy định tại các Điều 16, 17 của Quy chế này.

CHƯƠNG V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC LẬP KHOẢN VAY

Điều 16. Trình tự, thủ tục xác lập khoản vay theo phương thức thỏa thuận trực tiếp

1. Sau khi thống nhất các điều kiện vay và cho vay, bên vay gửi điện MT502 yêu cầu vay chứng khoán và MT504 yêu cầu tài sản thế chấp cho khoản vay tới hệ thống lưu ký.

2. TVLK đại diện bên cho vay gửi điện MT502 yêu cầu cho vay chứng khoán và MT504 yêu cầu tài sản thế chấp khoản vay tới hệ thống lưu ký.

3. VSDC xử lý theo trình tự như sau:

3.1. Trường hợp tài sản thế chấp là tiền, VSDC gửi ngân hàng thanh toán yêu cầu phong tỏa tiền thế chấp trên tài khoản tiền gửi của bên vay tại ngân hàng thanh toán theo Mẫu 01/SBL ban hành kèm theo Quy chế này;

3.2. Hệ thống lưu ký xác lập khoản vay sau khi hệ thống xác nhận việc bên vay nộp đủ tài sản thế chấp bằng chứng khoán hoặc/và VSDC nhận được xác nhận phong tỏa tài sản thế chấp bằng tiền của ngân hàng thanh toán theo Mẫu 02/SBL ban hành kèm theo Quy chế này.

3.3. Hệ thống lưu ký thực hiện:

a) Chuyển khoản chứng khoán cho vay từ tài khoản chứng khoán giao dịch của bên cho vay sang tài khoản chứng khoán giao dịch của bên vay và chuyển khoản chứng khoán dùng làm tài sản thế chấp từ tài khoản chứng khoán giao dịch của bên vay sang tài khoản chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của bên vay;

b) Gửi cho TVLK bên vay điện MT544 thông báo đã hạch toán tăng chứng khoán trên tài khoản của bên vay và điện MT503 thông báo đã phong tỏa tài sản thế chấp trên tài khoản của bên vay;

c) Gửi cho TVLK đại diện bên cho vay điện MT546 thông báo đã hạch toán giảm chứng khoán trên tài khoản của bên cho vay.

3.4. VSDC gửi bên vay, bên cho vay hoặc TVLK đại diện bên cho vay Thông báo xác lập khoản vay theo Mẫu 03/SBL ban hành kèm theo Quy chế này vào ngày làm việc liền sau ngày xác lập khoản vay trên hệ thống.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo khoản vay đã được xác lập trên hệ thống lưu ký, bên vay phải chuyển tới VSDC hồ sơ vay chứng khoán bao gồm các tài liệu sau:

a) Giấy đề nghị cho vay chứng khoán của nhà đầu tư có chứng khoán cho vay theo Mẫu 04/SBL ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Giấy ủy quyền của nhà đầu tư có chứng khoán cho vay cho TVLK nơi nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký chứng khoán theo Mẫu 05/SBL ban hành kèm theo Quy chế này;

c) Hợp đồng vay, cho vay chứng khoán giữa bên vay và bên cho vay.

5. Trường hợp TVLK là bên cho vay, hồ sơ gửi tới VSDC chỉ bao gồm tài liệu quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

Điều 17. Trình tự, thủ tục xác lập khoản vay theo phương thức khớp lệnh liên tục

1. Bên vay, bên cho vay hoặc TVLK đại diện bên cho vay gửi điện MT502 yêu cầu vay hoặc yêu cầu cho vay chứng khoán tới hệ thống lưu ký.

2. Hệ thống lưu ký thực hiện khớp lệnh và đối với trường hợp tài sản thế chấp là tiền, hệ thống ghi nhận giao dịch ở trạng thái chờ xác nhận phong tỏa tài sản thế chấp.

2.1. VSDC gửi ngân hàng thanh toán yêu cầu phong tỏa tiền thế chấp trên tài khoản tiền gửi của bên vay tại ngân hàng thanh toán theo Mẫu 01/SBL ban hành kèm theo Quy chế này.

2.2. Hệ thống lưu ký xác lập khoản vay sau khi hệ thống xác nhận việc bên vay nộp đủ tài sản thế chấp bằng chứng khoán hoặc/và VSDC nhận được xác nhận phong tỏa tài sản thế chấp bằng tiền của ngân hàng thanh toán theo Mẫu 02/SBL ban hành kèm theo Quy chế này.

2.3. Hệ thống lưu ký thực hiện:

a) Chuyển khoản chứng khoán cho vay từ tài khoản chứng khoán giao dịch của bên cho vay sang tài khoản chứng khoán giao dịch của bên vay và chuyển khoản chứng khoán dùng làm tài sản thế chấp từ tài khoản chứng khoán giao dịch của bên vay sang tài khoản chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của bên vay;

b) Gửi cho TVLK bên vay điện MT544 thông báo đã hạch toán tăng chứng khoán trên tài khoản của bên vay và điện MT506 thông báo đã phong tỏa tài sản thế chấp trên tài khoản của bên vay;

c) Gửi cho TVLK đại diện bên cho vay điện MT546 thông báo đã hạch toán giảm chứng khoán trên tài khoản của bên cho vay.

2.4. VSDC gửi bên vay, bên cho vay hoặc TVLK đại diện bên cho vay Thông báo xác lập khoản vay theo Mẫu 03/SBL ban hành kèm theo Quy chế này vào ngày làm việc liền sau ngày xác lập khoản vay trên hệ thống.

3. Sau khi khoản vay được xác lập trên hệ thống, bên vay, bên cho vay hoặc TVLK đại diện bên cho vay thực hiện các quy trình, thủ tục tương tự như trường hợp thỏa thuận trực tiếp quy định tại các khoản 4 và 5 Điều 16 của Quy chế này.

CHƯƠNG VI

QUẢN LÝ KHOẢN VAY TẠI TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Điều 18. Định giá khoản vay

Hàng ngày, hệ thống lưu ký thực hiện định giá lại giá trị chứng khoán vay và giá trị tài sản thế chấp của khoản vay. Trong trường hợp giá trị tài sản thế chấp xác định lại thấp hơn 115% giá trị chứng khoán vay, hệ thống lưu ký gửi điện MT503 yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp tới bên vay qua cổng giao tiếp trực tuyến. Bên vay có trách nhiệm thông báo cho bên cho vay về yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp.

Điều 19. Xử lý trong trường hợp giá trị tài sản thế chấp thấp hơn 115% giá trị chứng khoán vay

1. Bên vay phải bổ sung tài sản thế chấp trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp giá trị tài sản thế chấp xác định lại thấp hơn 115% nhưng vẫn đạt trên 110% giá trị chứng khoán vay trong 03 ngày giao dịch liên tiếp, bên vay có trách nhiệm nộp bổ sung tài sản thế chấp trong ngày làm việc thứ 04 để đạt mức tối thiểu 115% giá trị chứng khoán vay. Quá thời hạn trên mà bên vay không nộp thêm đủ tài sản thế chấp theo thông báo của VSDC và giá trị tài sản thế chấp định giá lại thấp hơn 115% giá trị chứng khoán vay, khoản vay được xử lý như trường hợp mất khả năng hoàn trả theo quy định tại Điều 23 Quy chế này.

b) Trường hợp giá trị tài sản thế chấp xác định lại thấp hơn mức 110% giá trị chứng khoán vay, bên vay có trách nhiệm nộp bổ sung tài sản thế chấp ngay trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được điện thông báo của VSDC qua cổng giao tiếp trực tuyến để đạt mức tối thiểu 115% giá trị chứng khoán vay. Quá thời hạn trên mà bên vay không nộp thêm đủ tài sản thế chấp theo thông báo của VSDC và giá trị tài sản thế chấp định giá lại thấp hơn 115% giá trị chứng khoán vay, khoản vay được xử lý như trường hợp mất khả năng hoàn trả theo quy định tại Điều 23 Quy chế này.

2. Trình tự, thủ tục bổ sung tài sản thế chấp:

2.1. Sau khi bên vay và bên cho vay thỏa thuận về việc bổ sung tài sản thế chấp, bên vay gửi điện MT505 yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp tới hệ thống lưu ký.

2.2 Trong ngày nhận được yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp,

a) Trường hợp tài sản thế chấp bổ sung là tiền, VSDC gửi ngân hàng thanh toán yêu cầu phong tỏa tiền thế chấp trên tài khoản của bên vay theo Mẫu 01/SBL ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Ngân hàng thanh toán gửi VSDC thông báo phong tỏa tiền thế chấp theo Mẫu 02/SBL ban hành kèm theo Quy chế này;

c) Trường hợp tài sản thế chấp bổ sung là chứng khoán, hệ thống lưu ký thực hiện phong tỏa chứng khoán trên tài khoản của bên vay.

Hệ thống lưu ký gửi điện MT506 thông báo đã phong tỏa tài sản thế chấp bổ sung cho bên vay qua cổng giao tiếp trực tuyến. Bên vay có trách nhiệm thông báo cho bên cho vay về kết quả bổ sung tài sản thế chấp.

Điều 20. Rút, thay thế tài sản thế chấp

1. Bên vay được quyền thay thế tài sản thế chấp là tiền, chứng khoán đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy chế này. Giá trị tài sản thế chấp sau khi thay thế phải đạt mức tối thiểu 115% giá trị chứng khoán vay và được bên cho vay chấp thuận theo thỏa thuận giữa các bên.

2. Bên vay buộc phải thay thế tài sản thế chấp trong các trường hợp sau:

a) Chứng khoán được sử dụng làm tài sản thế chấp không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 12 Quy chế này;

b) Trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh niêm yết đến thời hạn đáo hạn hoặc trong danh mục hoán đổi.

3. Trình tự, thủ tục thay thế tài sản thế chấp:

3.1. Bên vay gửi điện MT505 yêu cầu thay thế tài sản thế chấp đến hệ thống lưu ký;

3.2. Trong ngày nhận được yêu cầu thay thế tài sản thế chấp,

a) Trường hợp tài sản thế chấp được thay thế/thay thế là tiền, VSDC gửi ngân hàng thanh toán yêu cầu phong tỏa tiền thế chấp trên tài khoản của bên vay (trường hợp tài sản thế chấp được thay thế là tiền) hoặc yêu cầu giải tỏa tiền thế chấp trên tài khoản của bên vay (trường hợp tài sản thế chấp thay thế là tiền) theo Mẫu 01/SBL hoặc Mẫu 06/SBL ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Ngân hàng thanh toán gửi VSDC thông báo phong tỏa tiền thế chấp trên tài khoản tiền gửi của bên vay (trường hợp tài sản thế chấp được thay thế là tiền) hoặc thông báo giải tỏa tiền thế chấp trên tài khoản của bên vay (trường hợp tài sản thế chấp thay thế là tiền) theo Mẫu 02/SBL và Mẫu 10/SBL ban hành kèm theo Quy chế này;

c) Trường hợp tài sản thế chấp được thay thế/thay thế là chứng khoán, hệ thống lưu ký thực hiện phong tỏa chứng khoán (trường hợp tài sản thế chấp được thay thế là chứng khoán) hoặc giải tỏa chứng khoán (trường hợp tài sản thay thế là chứng khoán) trên tài khoản của bên vay;

d) Hệ thống lưu ký gửi điện MT507 thông báo đã thay thế tài sản thế chấp cho bên vay qua cổng giao tiếp trực tuyến. Bên vay có trách nhiệm thông báo cho bên cho vay về kết quả thay thế tài sản thế chấp.

4. Bên vay được quyền rút phần tài sản thế chấp vượt quá 115% giá trị chứng khoán vay. Trình tự, thủ tục thực hiện rút tài sản thế chấp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 21. Gia hạn khoản vay

1. Bên vay và bên cho vay được thỏa thuận thống nhất gia hạn khoản vay, tối đa không quá 03 lần gia hạn đối với 01 khoản vay. Thời gian gia hạn của từng lần thực hiện như sau:

a) Không quá 05 ngày làm việc đối với khoản vay quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy chế này;

b) Không quá 30 ngày đối với khoản vay quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế này;

c) Không quá 30 ngày và không vượt quá thời hạn còn lại đến khi công cụ nợ đáo hạn đối với khoản vay quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

2. Lãi suất gia hạn khoản vay theo thỏa thuận của bên vay và bên cho vay nhưng không được vượt quá 20%/năm.

3. Trình tự, thủ tục gia hạn khoản vay:

a) Khi có yêu cầu gia hạn khoản vay, bên vay gửi cho VSDC văn bản thỏa thuận đã ký kết giữa bên vay và bên cho vay về việc gia hạn khoản vay theo Mẫu 07/SBL ban hành kèm theo Quy chế này. Đồng thời gửi điện MT540 yêu cầu gia hạn khoản vay tới hệ thống lưu ký;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, VSDC thực hiện xác nhận gia hạn khoản vay trên hệ thống dựa trên nguyên tắc khớp đúng các thông tin trên hồ sơ gốc do bên vay gửi tới với thông tin bên vay yêu cầu trên hệ thống và các điều kiện gia hạn đáp ứng theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này. Hệ thống lưu ký gửi điện MT544 tới bên vay và MT546 tới bên cho vay hoặc TVLK đại diện bên cho vay để thông báo đã gia hạn khoản vay.

Điều 22. Hoàn trả khoản vay

1. Bên cho vay không được yêu cầu hoàn trả khoản cho vay trong suốt thời gian cho vay.

2. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, bên vay được hoàn trả toàn bộ hoặc một phần chứng khoán vay tại bất cứ thời điểm nào trong thời hạn vay. Khoản vay phải được hoàn trả bằng chứng khoán đã vay trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp hoàn trả bằng tiền (một phần hoặc toàn bộ) phải được chấp thuận bằng văn bản của bên cho vay (không áp dụng đối với giao dịch vay và cho vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường).

3. Trường hợp bên cho vay nhận hoàn trả khoản vay bằng chứng khoán dẫn tới vượt tỷ lệ sở hữu tối đa theo quy định của nhà đầu tư nước ngoài, phần vượt quá

phải được hoàn trả bằng tiền, giá trị hoàn trả bằng tiền do hai bên thoả thuận theo quy định tại điểm b khoản 4.2 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục hoàn trả khoản vay:

Bên vay gửi VSDC hồ sơ hoàn trả khoản vay theo quy định tại khoản 4.1, 4.2 Điều này đồng thời gửi yêu cầu tới hệ thống lưu ký theo quy định tại khoản 4.3 Điều này.

4.1. Hồ sơ hoàn trả toàn bộ khoản vay bằng chứng khoán cho vay:

a) Giấy đề nghị chuyển trả chứng khoán cho bên cho vay và giải tỏa tài sản thế chấp do bên vay lập theo Mẫu 08A/SBL hoặc Mẫu 09/SBL ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Tài liệu chứng minh đã hoàn trả tiền lãi khoản vay cho bên cho vay hoặc văn bản đề nghị VSDC khấu trừ giá trị tương ứng lãi khoản vay từ giá trị tài sản thế chấp bằng tiền để trả cho bên cho vay và tài liệu chứng minh đã thanh toán lợi ích vật chất phát sinh (nếu có) đến chứng khoán cho vay;

c) Biên bản thanh lý hợp đồng giữa các bên vay và bên cho vay.

4.2. Hồ sơ hoàn trả toàn bộ hoặc một phần khoản vay bằng tiền:

a) Giấy đề nghị chuyển trả chứng khoán cho bên cho vay và giải tỏa tài sản thế chấp do bên vay lập theo Mẫu 08A/SBL hoặc Mẫu 09/SBL ban hành kèm theo Quy chế này (áp dụng đối với trường hợp hoàn trả một phần bằng tiền, một phần bằng chứng khoán); Yêu cầu giải tỏa tài sản thế chấp do bên vay lập theo Mẫu 08B/SBL ban hành kèm theo Quy chế này (áp dụng đối với trường hợp hoàn trả toàn bộ khoản vay bằng tiền);

b) Biên bản thanh lý hợp đồng vay, cho vay chứng khoán, trong đó nêu rõ nội dung thỏa thuận về giá trị bằng tiền quy đổi từ chứng khoán cho vay nhưng không thấp hơn giá trị chứng khoán cho vay tại ngày hoàn trả.

4.3. Bên vay gửi yêu cầu hoàn trả khoản vay tới hệ thống lưu ký:

a) Đối với trường hợp hoàn trả toàn bộ bằng chứng khoán hoặc toàn bộ bằng tiền: bên vay gửi điện MT541 yêu cầu hoàn trả khoản vay tới hệ thống lưu ký;

b) Đối với trường hợp hoàn trả một phần bằng tiền: bên vay gửi điện MT541 - Yêu cầu hoàn trả khoản vay kèm MT505 yêu cầu giải tỏa tài sản thế chấp tới hệ thống lưu ký.

4.4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, VSDC xử lý hồ sơ hoàn trả khoản vay trên nguyên tắc khớp đúng thông tin giữa hồ sơ gốc và thông tin do bên vay yêu cầu trên hệ thống. VSDC thực hiện:

a) Giải tỏa tài sản thế chấp:

- Chuyển chứng khoán thế chấp từ tài khoản chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của bên vay sang tài khoản chứng khoán giao dịch của chính bên vay;

- Thông báo cho ngân hàng thanh toán giải tỏa tiền thế chấp trên tài khoản tiền gửi của bên vay theo Mẫu 06/SBL ban hành kèm theo Quy chế này;

- Ngân hàng thanh toán gửi VSDC thông báo giải tỏa tiền thế chấp trên tài khoản tiền gửi của bên vay theo Mẫu 10/SBL ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Chuyển khoản chứng khoán vay từ tài khoản chứng khoán giao dịch của bên vay sang tài khoản chứng khoán giao dịch của bên cho vay;

c) Sau khi hoàn tất xử lý, hệ thống lưu ký gửi điện thông báo về việc đã hoàn trả khoản vay cho các bên qua cổng giao tiếp trực tuyến:

- Trường hợp hoàn trả khoản vay toàn bộ bằng chứng khoán: gửi điện MT547 cho TVLK bên vay và MT545 cho TVLK bên cho vay;

- Trường hợp hoàn trả khoản vay toàn bộ bằng tiền: gửi điện MT545 cho TVLK bên vay và MT547 cho TVLK bên cho vay;

- Trường hợp hoàn trả một phần khoản vay bằng tiền hoặc chứng khoán: gửi điện MT547 và MT506 cho TVLK bên vay, gửi điện MT545 và MT506 cho TVLK bên cho vay.

d) Trường hợp bên vay là TCMTKTT, trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày VSDC hoàn tất xử lý hoàn trả khoản vay theo quy định tại khoản 4.4 Điều này, VSDC gửi cho TCMTKTT liên quan thông báo đã hoàn trả khoản vay theo Mẫu 11/SBL của Quy chế này.

Điều 23. Xử lý trường hợp mất khả năng hoàn trả khoản vay

1. Các trường hợp được coi là mất khả năng hoàn trả khoản vay:

a) Hết thời hạn hợp đồng vay, cho vay, bên vay không hoàn trả được khoản vay và không được bên cho vay chấp nhận gia hạn khoản vay;

b) Hết thời hạn gia hạn khoản vay theo thỏa thuận với bên cho vay, bên vay không hoàn trả được khoản vay;

c) Bên vay không nộp tài sản thế chấp bổ sung theo quy định tại Điều 19 Quy chế này;

d) Bên vay không nộp tài sản thế chấp thay thế theo yêu cầu của VSDC theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

2. Trường hợp tài khoản tiền gửi của bên vay không đủ số dư tiền để ngân hàng thanh toán phong tỏa toàn bộ số tiền thế chấp theo thông báo của VSDC, ngân hàng thanh toán thông báo cho VSDC về số tiền thiếu hụt không đủ để phong tỏa của bên vay để VSDC thông báo cho bên vay xác định hợp đồng mất khả năng hoàn trả khoản vay theo quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều này.

3. Việc xử lý các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này căn cứ vào hợp đồng vay, cho vay hoặc thỏa thuận khác bằng văn bản giữa bên cho vay và bên vay.

4. Trường hợp không có thỏa thuận giữa các bên, bên cho vay được nhận chuyển giao thông qua VSDC toàn bộ tài sản thế chấp (chứng khoán hoặc tiền) của bên vay ngay trong ngày Hợp đồng vay, cho vay được coi là mất khả năng hoàn trả khoản vay. Nếu bên cho vay nhận chuyển giao chứng khoán thế chấp mà dẫn tới vượt sở hữu tối đa theo quy định của nhà đầu tư nước ngoài, phần vượt quá được thống nhất hoàn trả bằng tiền, giá trị hoàn trả bằng tiền do hai bên thỏa thuận.

CHƯƠNG VIII

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VAY VÀ CHO VAY CHỨNG KHOÁN TẠI TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Điều 24. Giám sát hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại VSDC

1. VSDC thực hiện giám sát hoạt động vay và cho vay chứng khoán đối với TVLK, TCMTKTT trong việc tuân thủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hoạt động này theo quy định tại Quy chế này.

2. VSDC thực hiện giám sát TVLK, TCMTKTT dựa trên các hồ sơ, tài liệu, thông tin TVLK, TCMTKTT gửi đến VSDC.

3. Trường hợp phát hiện vi phạm, VSDC thực hiện xử lý vi phạm theo quy định tại Quy chế Thành viên lưu ký của VSDC và hợp đồng cung cấp dịch vụ với TCMTKTT. Trường hợp cần thiết, VSDC có văn bản yêu cầu TVLK, TCMTKTT giải trình, cung cấp thông tin để báo cáo, đề xuất Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, quy định được dẫn chiếu trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, quy định mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, quy định mới.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các bên liên quan liên hệ với VSDC để được hướng dẫn, giải quyết.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng thành viên VSDC quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

Mẫu 01/SBL

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

**TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ
VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:/VSDC-SBL

Hà Nội, Ngày... .. tháng năm

**THÔNG BÁO
PHONG TỎA TÀI KHOẢN TIỀN GỬI**

Kính gửi: Ngân hàng thanh toán

Căn cứ thỏa thuận vay và cho vay chứng khoán được xác lập trên hệ thống SBL của VSDC, VSDC đề nghị Quý Ngân hàng thực hiện phong tỏa tài khoản tiền gửi của (tên TVLK bên vay) mở tại Quý Ngân hàng, cụ thể như sau:

1. Tên tài khoản:
2. Số hiệu tài khoản:
3. Số dư phong tỏa:
4. Ngày phong tỏa:

Việc giải tỏa số dư phong tỏa trên tài khoản tiền gửi này chỉ được thực hiện khi có thông báo của VSDC.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu LK.

ĐẠI DIỆN VSDC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu 02/SBL

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

NGÂN HÀNG THANH TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: _____

Hà Nội, ngày tháng năm

**THÔNG BÁO
PHONG TỎA TÀI KHOẢN TIỀN GỬI**

Kính gửi: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

Căn cứ công văn số ngày ../../... của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) về việc phong tỏa tài khoản tiền gửi của TVLK.

Chúng tôi, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành xác nhận việc phong tỏa số dư theo yêu cầu của VSDC như sau:

1. Tên tài khoản:
2. Số hiệu tài khoản:
3. Số dư phong tỏa:
4. Ngày phong tỏa:

Việc giải tỏa số dư phong tỏa trên tài khoản tiền gửi này sẽ được thực hiện khi có văn bản đề nghị của VSDC.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG THANH TOÁN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

**TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ
VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /VSDC-SBL

Hà Nội, Ngày... tháng... năm

**THÔNG BÁO
XÁC LẬP KHOẢN VAY CHỨNG KHOÁN**

Căn cứ yêu cầu vay của (bên vay) và xác nhận của (bên cho vay) về thỏa thuận vay và cho vay chứng khoán, VSDC xác nhận thông tin về thỏa thuận vay/cho vay chứng khoán đã được xác lập trên hệ thống của VSDC như sau:

- Bên vay: Số TKGD:
- Bên cho vay: Số TKGD:
- TVLK đại diện bên cho vay:
- Loại hợp đồng vay và cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)
- Ngày xác lập thỏa thuận vay và cho vay:
- Số ngày vay: Ngày hoàn trả:
- Lãi suất vay:

1. Chứng khoán vay:

STT	Mã CK	Số lượng	Giá trị khoản vay tại ngày xác lập thỏa thuận vay và cho vay
1			
2			
...			
	Cộng		

2. Tài sản thế chấp:

+ Tiền: (Bằng chữ:)

+ Chứng khoán:

STT	Mã CK	Số lượng	Giá trị CK thế chấp tại ngày xác lập thỏa thuận vay và cho vay
1			
2			
...			
	Cộng		

+ Tổng giá trị TSTC:

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CỦA VSDC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHO VAY CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: (tên TVLK đại diện bên cho vay)

Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

Tên người đầu tư:.....

Đại diện (trường hợp là nhà đầu tư tổ chức):.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Fax.....

Số tài khoản giao dịch:..... tại:

Trường hợp đã xác định được bên vay (thỏa thuận trực tiếp):

Căn cứ Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán đã ký giữa tôi/chúng tôi với.... ..(tên TVLK vay), đề nghị (tên TVLK đại diện bên cho vay) xác lập thông tin thỏa thuận vay/cho vay chứng khoán, cụ thể:

- Bên vay: Số TKGD:

- TVLK đại diện bên vay:

- Chi tiết chứng khoán cho vay:

+ Mã chứng khoán:

+ Số lượng:

- Thời hạn cho vay: ... ngày. Ngày xác lập thỏa thuận vay và cho vay:.....

- Lãi suất cho vay:

Trường hợp chưa xác định được bên vay (thỏa thuận qua hệ thống):

Căn cứ nhu cầu cho vay chứng khoán của tôi/chúng tôi, đề nghị (tên TVLK đại diện bên cho vay) xác lập thông tin chào cho vay của tôi/chúng tôi, cụ thể:

- Chi tiết chứng khoán cho vay:

+ Mã chứng khoán:

+ Số lượng:

- Thời hạn cho vay: Lãi suất cho vay:

- Trường hợp tôi/chúng tôi không còn nhu cầu cho vay chứng khoán, tôi/chúng tôi sẽ thông báo trước cho (tên TVLK đại diện bên cho vay) trước 03 ngày làm việc để huỷ bỏ thông tin chào cho vay của tôi/chúng tôi.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người cho vay chứng khoán

Chữ ký, ghi rõ họ tên,

Đóng dấu (nếu là tổ chức)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Tên người đầu tư:.....

Đại diện (trường hợp là nhà đầu tư tổ chức):.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Fax.....

Số tài khoản giao dịch:.....tại:

Trường hợp đã xác định được bên vay (thỏa thuận trực tiếp):

Căn cứ Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán đã ký giữa tôi/chúng tôi với.... ..(tên TVLK vay), tôi/chúng tôi uỷ quyền cho (tên TVLK nơi mở tài khoản giao dịch) xác lập thông tin thỏa thuận vay/cho vay chứng khoán theo Giấy đề nghị cho vay chứng khoán (đính kèm) trên hệ thống của VSDC.

Trường hợp chưa xác định được bên vay (khớp lệnh liên tục):

Căn cứ nhu cầu cho vay chứng khoán của tôi/chúng tôi, tôi/chúng tôi uỷ quyền cho (tên TVLK nơi mở tài khoản giao dịch) xác lập thông tin yêu cầu cho vay chứng khoán theo Giấy đề nghị cho vay chứng khoán (đính kèm) trên hệ thống của VSDC.

Người uỷ quyền

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

**TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ
VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:/VSDC-SBL

Hà Nội, Ngày..... tháng năm

**THÔNG BÁO
GIẢI TOẢ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI**

Kính gửi: Ngân hàng thanh toán

Căn cứ đề nghị giải toả tài sản thế chấp/thỏa thuận xử lý khoản vay mất khả năng hoàn trả của(tên TVLK bên vay) và bên cho vay, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) đề nghị Quý Ngân hàng thực hiện giải toả tài khoản tiền gửi của (tên TVLK bên vay) mở tại Quý Ngân hàng, cụ thể như sau:

1. Tên tài khoản:
2. Số hiệu tài khoản:
3. Số dư giải toả:
4. Ngày giải toả:

Trường hợp khấu trừ tiền thế chấp để trả lãi cho bên cho vay:

Đồng thời thực hiện việc chuyển khoản trả lãi khoản vay cho bên cho vay như sau:

1. Bên chuyển khoản:
 - Tên tài khoản:
 - Số hiệu tài khoản:
2. Bên nhận chuyển khoản:
 - Tên tài khoản:
 - Số hiệu tài khoản:
3. Số tiền chuyển khoản:.....(Bằng chữ:.....)
4. Ngày chuyển khoản:

Trường hợp xử lý khoản vay mất khả năng hoàn trả khoản vay:

Đồng thời đã chuyển khoản trả tiền thế chấp cho bên cho vay như sau:

1. Bên chuyển khoản:
 - Tên tài khoản:
 - Số hiệu tài khoản:
2. Bên nhận chuyển khoản:

Mẫu 06/SBL

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

- Tên tài khoản:

- Số hiệu tài khoản:

3. Số tiền chuyển khoản:.....(Bằng chữ:.....)

4. Ngày chuyển khoản:

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu LK.

ĐẠI DIỆN VSDC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng..... năm.....

THỎA THUẬN GIA HẠN KHOẢN VAY

Bên vay:

TKGD bên vay:.....

Bên cho vay:

TKGD bên cho vay:

TVLK đại diện bên cho vay (trường hợp bên cho vay không phải là thành viên của VSDC):

Hai bên cùng thỏa thuận gia hạn khoản vay đối với Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán số ngày /..... /....., chi tiết:

1. Lệnh vay gốc:

- Loại hợp đồng vay và cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)
- Chi tiết về chứng khoán vay:
- + Mã chứng khoán:
- + Số lượng:
- Lãi suất: Ngày vay: Ngày hoàn trả:

2. Gia hạn khoản vay:

Lần gia hạn khoản vay:	☐ Lần 1	☐ Lần 2	☐ Lần 3
Lãi suất trong thời gian gia hạn:			
Số ngày gia hạn:			
Ngày hoàn trả (sau khi gia hạn)			

Trường hợp bên cho vay không phải là thành viên của VSDC:

Bên cho vay ủy quyền cho TVLK đại diện bên cho vay xác lập thông tin về gia hạn khoản vay trên hệ thống của VSDC.

BÊN CHO VAY

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BÊN VAY

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TÊN THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày... tháng..... năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHUYỂN TRẢ
CHỨNG KHOÁN CHO VAY VÀ GIẢI TOẢ TÀI SẢN THẾ CHẤP**

- Căn cứ vào Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán số ký ngày..... giữa (bên vay) và (bên cho vay);
 - Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng giữa (bên vay) và (bên cho vay);
- TVLK (bên vay) đề nghị VSDC thực hiện chuyển khoản chứng khoán hoàn trả khoản vay và giải tỏa tài sản thế chấp, cụ thể:

1. Thông tin chuyển khoản chứng khoán vay:

- Bên chuyển khoản:
Số tài khoản: Mở tại:
- Bên nhận chuyển khoản:
Số tài khoản: Mở tại:
- Chứng khoán chuyển khoản:

+ Mã chứng khoán:

+ Số lượng:

2. Tài sản thế chấp đề nghị giải tỏa:

+ Tiền: (Bằng chữ:)

+ Chứng khoán:

STT	Mã CK	Số lượng
1		
2		
...		
	Cộng	

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TÊN THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày.....tháng..... năm

**YÊU CẦU
GIẢI TOẢ TÀI SẢN THẾ CHẤP**

- Căn cứ vào Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán số ký ngày..... giữa (bên vay) và (bên cho vay);
 - Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng giữa (bên vay) và (bên cho vay);
- Công ty....(TVLK bên vay) đề nghị VSDC giải toả tài sản thế chấp khoản vay như sau:

1. Thông tin về khoản vay:

- Bên vay: Số TKGD:.....
- Bên cho vay: Số TKGD:
- TVLK đại diện bên cho vay:
- Loại hợp đồng vay và cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường).
- Ngày xác lập thỏa thuận vay và cho vay:
- Số ngày vay: Ngày hoàn trả:
- Lãi suất vay:
- Chứng khoán vay:
- + Mã chứng khoán:
- + Số lượng:

2. Tài sản thế chấp đề nghị giải toả:

+ Tiền: (Bằng chữ:)

+ Chứng khoán:

STT	Mã CK	Số lượng
1		
2		
...		
	Cộng	

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TÊN THÀNH VIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày..... tháng..... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CHUYỂN TRẢ CHỨNG KHOÁN CHO BÊN CHO VAY
 (áp dụng trường hợp hoàn trả một phần/toàn bộ trước hạn bằng chứng khoán)

Kính gửi: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

- Căn cứ vào Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán số ký ngày..... giữa (bên vay) và (bên cho vay), chi tiết:
 - Loại hợp đồng vay và cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)

TVLK (bên vay) đề nghị VSDC thực hiện chuyển khoản chứng khoán hoàn trả một phần/toàn bộ trước hạn bằng chứng khoán cho bên cho vay và giải tỏa tài sản thế chấp, cụ thể:

1. Thông tin chuyển khoản chứng khoán vay:
 - Bên chuyển khoản:.....
Số tài khoản: Mở tại:
 - Bên nhận chuyển khoản:.....
Số tài khoản: Mở tại:
 - Chứng khoán chuyển khoản:
 - + Mã chứng khoán:
 - + Số lượng:
2. Tài sản thế chấp đề nghị giải tỏa (trường hợp hoàn trả toàn bộ):
 - + Tiền: (Bằng chữ:)
 - + Chứng khoán:

STT	Mã CK	Số lượng
1		
2		
...		
	Cộng	

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

NGÂN HÀNG THANH TOÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, Ngày ... tháng năm

**THÔNG BÁO
GIẢI TỎA TÀI KHOẢN TIỀN GỬI**

Kính gửi: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

Căn cứ công văn số ngày/...../..... của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) về việc giải tỏa tài khoản tiền gửi của TVLK.

Chúng tôi, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành xác nhận việc giải tỏa số dư theo yêu cầu của VSDC như sau:

- Tên tài khoản:
- Số hiệu tài khoản:
- Số dư giải tỏa:
- Ngày giải tỏa:

Trường hợp khấu trừ tiền thế chấp để trả lãi cho bên cho vay:

Đồng thời đã chuyển khoản trả lãi khoản vay cho bên cho vay như sau:

1. Bên chuyển khoản:

- Tên tài khoản:
- Số hiệu tài khoản:

2. Bên nhận chuyển khoản:

- Tên tài khoản:
- Số hiệu tài khoản:

3. Số tiền chuyển khoản:.....(Bằng chữ:.....)

4. Ngày chuyển khoản:

Trường hợp xử lý khoản vay mất khả năng hoàn trả khoản vay:

Đồng thời đã chuyển khoản trả tiền thế chấp cho bên cho vay như sau:

1. Bên chuyển khoản:

- Tên tài khoản:
- Số hiệu tài khoản:

2. Bên nhận chuyển khoản:

- Tên tài khoản:
- Số hiệu tài khoản:

Mẫu 10/SBL

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

3. Số tiền chuyển khoản:.....(Bằng chữ:.....)

4. Ngày chuyển khoản:

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG THANH TOÁN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TÊN THÀNH VIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày....tháng..... năm

**THÔNG BÁO
TẮT TOÁN KHOẢN VAY CHỨNG KHOÁN**

- Căn cứ vào Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán số ký ngày..... giữa (bên vay) và (bên cho vay);

- Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng giữa (bên vay) và (bên cho vay);

Công ty...(TVLK bên vay)-xác nhận thông tin tắt toán thỏa thuận vay/cho vay chứng khoán đã được xác lập trên hệ thống của VSDC như sau:

- Bên vay: Số TKGD:.....
- Bên cho vay: Số TKGD:
- TVLK/TCMTKTT đại diện bên cho vay:
- Loại hợp đồng vay và cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)
- Ngày xác lập thỏa thuận vay và cho vay:
- Số ngày vay: Ngày hoàn trả:
- Lãi suất vay:

1. Chứng khoán vay:

- Mã chứng khoán:
- Số lượng:
- Giá trị khoản vay định giá tại ngày xx/xx/xxxx:

2. Tài sản thế chấp:

+ Tiền: (Bằng chữ:)

+ Chứng khoán:

STT	Mã CK	Số lượng	Giá trị định giá tại ngày xx/xx/xxxx
1			
2			
...			
	Cộng		

3. Hoàn trả:

- Bằng tiền:.....(Bằng chữ:.....)
- Bằng chứng khoán: Mã chứng khoán: Số lượng:
- Lãi khoản vay:.....(Bằng chữ:.....)

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:

ĐẠI DIỆN VSDC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng... năm ...

THÔNG BÁO TÀI KHOẢN QUẢN LÝ TÀI SẢN THỂ CHẤP BẰNG TIỀN

Kính gửi: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

Công ty/Ngân hàng:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....Fax

Thông báo tài khoản tiền gửi thanh toán của chúng tôi để quản lý tài sản thể chấp bằng tiền cho hoạt động vay và cho vay chứng khoán như sau:

- **Tên tài khoản:**

- **Số hiệu tài khoản:**

- **Mở tại: Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà thành**

Công ty/Ngân hàng..... cam kết cho phép Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam được quyền yêu cầu **Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà thành** phong toả/giải toả tiền trên tài khoản trên cho các giao dịch liên quan đến hoạt động vay và cho vay chứng khoán.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BIDV Hà Thành;
- Lưu....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Mẫu HỢP ĐỒNG VAY VÀ CHO VAY CHỨNG KHOÁN

Số:/

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024;
- Căn cứ Quyết định số.../QĐ-HĐTV ngày ... tháng... năm 2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về ban hành “Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam”.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Trụ sở Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, số 112 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm:

Hôm nay, ngày. . . . tháng năm tại, chúng tôi gồm có:

BÊN VAY :

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:

Người đại diện:Chức vụ:.....

Số tài khoản tiền gửi:.....tại

Số tài khoản giao dịch chứng khoán:tại

BÊN CHO VAY:.....

Số CMTND/GCNTVLK.....docấp ngày.....

Người đại diện: Chức vụ:..... (đối với người đầu tư tổ chức)

Địa chỉ:.....

Điện thoại:Fax:.....

Số tài khoản giao dịch chứng khoán:tại

Hai bên cùng nhau thống nhất và ký kết Hợp đồng này theo các điều khoản và điều kiện sau đây:

ĐIỀU 1: THOẢ THUẬN VỀ VAY/CHO VAY CHỨNG KHOÁN

1. Mục đích sử dụng:

(ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)

2. Chứng khoán vay :

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá

3. Lãi suất cho vay :%/năm

4. Ngày xác lập thỏa thuận vay/cho vay trên hệ thống SBL của VSDC:.....

5. Thời hạn cho vay:ngày. Ngày hoàn trả:.....

6. Giá trị khoản vay: xác định theo quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là Quy chế của VSDC)

7. Hình thức thức hoàn trả khoản vay:

- ☐ Bằng tiền ☐ Bằng chứng khoán
☐ Một phần bằng tiền và một phần bằng chứng khoán

8. Tài sản thế chấp của bên vay: ☐ Bằng tiền ☐ Bằng chứng khoán ☐ Một phần bằng tiền và một phần bằng chứng khoán

- Chứng khoán thế chấp :

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá

- Giá trị tài sản thế chấp được xác định theo quy định tại Quy chế của VSDC.

- Bên vay được hưởng các quyền phát sinh từ chứng khoán thế chấp

- Bên vay và Bên cho vay đồng ý uỷ quyền quản lý tài sản thế chấp cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

- Bên cho vay đồng ý để Bên vay sử dụng chứng khoán thuộc danh mục chứng khoán thế chấp theo quy định tại Quy chế của VSDC làm tài sản thế chấp khoản vay.

ĐIỀU 2: QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN CHO VAY

1. Bên cho vay có quyền xem xét việc gia hạn khoản vay của Bên vay

2. Bên cho vay được quyền nhận lại chứng khoán cho vay hoặc tiền trong trường hợp có thỏa thuận với bên vay về việc hoàn trả khoản vay bằng tiền và được thu lãi của khoản vay do Bên vay trả

3. Bên cho vay được quyền nhận chuyển giao thông qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam toàn bộ tài sản thế chấp trong trường hợp Bên vay được coi là mất khả năng thanh toán

khoản vay trừ trường hợp hai bên có thoả thuận khác. Trường hợp bên cho vay nhận chuyển giao chứng khoán thể chấp dẫn tới vượt sở hữu tối đa theo quy định, phần vượt quá được hoàn trả bằng tiền với giá trị do hai bên thỏa thuận như sau...

4. Bên cho vay có trách nhiệm bảo đảm các chứng khoán cho vay tại Điều 1 Hợp đồng này là chứng khoán cho vay hợp lệ theo quy định tại Quy chế của VSDC, hoàn toàn thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên cho vay và hiện không sử dụng làm tài sản đảm bảo cho bất kỳ một nghĩa vụ thanh toán nào khác; không bị tranh chấp về quyền sở hữu.

5. Bên cho vay có trách nhiệm tuân thủ đúng Quy chế của VSDC và mọi quy định trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 3: QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN VAY

1. Bên vay có trách nhiệm sử dụng chứng khoán vay đúng mục đích vay
2. Bên vay có trách nhiệm nộp đầy đủ, đúng hạn giá trị tài sản thể chấp khoản vay theo quy định tại Quy chế của VSDC. Trường hợp tài sản thể chấp khoản vay bằng chứng khoán, bên vay có trách nhiệm đảm bảo chứng khoán thể chấp thuộc danh mục chứng khoán thể chấp theo quy định tại Quy chế của VSDC.
3. Bên vay có trách nhiệm hoàn trả chứng khoán và thanh toán đầy đủ lãi của khoản vay cho bên cho vay
4. Bên vay được quyền hoàn trả toàn bộ hoặc một phần chứng khoán vay tại bất cứ thời điểm nào trong thời hạn vay trừ trường hợp hai bên có thoả thuận khác.
5. Trong trường hợp Bên vay được coi là mất khả năng thanh toán khoản vay, Bên vay cho phép Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chuyển giao toàn bộ tài sản thể chấp cho bên cho vay trừ trường hợp hai bên có thoả thuận khác.
6. Bên vay có trách nhiệm tuân thủ đúng Quy chế của VSDC và mọi quy định trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng này và các qui định khác của pháp luật có liên quan. Trong quá trình thực hiện nếu gặp vấn đề phát sinh cần giải quyết hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để thống nhất cách giải quyết phù hợp;
 2. Mọi tranh chấp, bất đồng ý kiến phát sinh trong việc thực hiện Hợp đồng này, hai Bên sẽ giải quyết bằng thoả thuận trên tinh thần hợp tác, tương trợ lẫn nhau. Trường hợp không tự thoả thuận được, các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định có hiệu lực của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng ràng buộc trách nhiệm pháp lý và có giá trị thi hành đối với hai bên.
 3. Hợp đồng này và các văn bản phát sinh kèm theo Hợp đồng này (nếu có) là một bộ phận thống nhất không tách rời nhau, các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.
 4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
 5. Hợp đồng này được lập thành 04 [bốn] bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Bên cho vay giữ 01 bản, Bên vay giữ 01 bản, TVLK đại diện bên cho vay giữ 01 bản, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam giữ 01 bản
- Các Bên trong hợp đồng đã đọc kỹ, hiểu rõ các nội dung của Hợp đồng và tự nguyện ký kết hợp đồng này.

BÊN VAY

BÊN CHO VAY

